

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Long Biên

2. Bà Bùi Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiên – Kiểm sát viên .

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q; Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, TP. N, tỉnh Ninh Bình.

2.Bị đơn: Anh Quách Công T; Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, vắng mặt chị Q và anh T (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2020 và bản tự khai ngày 17/6/2020 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quách Công T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2008 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và có lần anh Tuấn đã đánh đập chị. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quách Thành V, sinh ngày 15/8/2009 và Quách Hải Y, sinh ngày 12/4/2012. Ly hôn, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/6/2020, anh Quách Công T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận bình thường nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn khúc mắc và đã xảy ra xô xát. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa nên cũng đồng ý ly hôn với chị Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Quách Thành V, sinh ngày 15/8/2009 và Quách Hải Y, sinh ngày 12/4/2012. Ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và giao cháu Y cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q và anh Quách Công T được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Quách Thành V, sinh ngày 15/8/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Hải Y, sinh ngày 12/4/2012, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự,

nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh T đã được thông báo hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị Q và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Q và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Quách Công T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên đôi lúc có xảy ra cãi cọ và đã dẫn đến xô xát. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Chị Q và anh T đã sống ly thân gần 01 năm nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Việc này, cả chị Q và anh T đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị Q và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Q và anh Quách Công T được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Ly hôn, cả chị Q và anh T đều yêu cầu giao cháu Y cho chị Q nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Bản thân cháu Y cũng có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu V có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Q và anh T, giao cháu V cho anh T tiếp nuôi dưỡng, chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Quách Công T.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Thành V, sinh ngày 15/8/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Hải Y, sinh ngày 12/4/2012, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Q và anh T có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị Q đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0002770; Ngày 12/6/2020. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị Q và anh Quách Công T. Chị Q và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc